

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Điều 142 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2016/NQ-HĐND ngày 30/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X - kỳ họp thứ 13 về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 805/STC-QLNS ngày 29/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Gia Lai; cụ thể như sau:

1. Đối tượng phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền để bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại địa phương theo từng địa bàn theo công thức tính quy định như sau:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

a. Tỷ lệ phần trăm (%) số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được xác định theo từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) thuộc khu vực I, II, III theo Quyết định của Ủy ban dân tộc:

- | | |
|-------------------------|----------------|
| - Xã thuộc khu vực I: | tỷ lệ thu 70%. |
| - Xã thuộc khu vực II: | tỷ lệ thu 60%. |
| - Xã thuộc khu vực III: | tỷ lệ thu 50%. |

b. Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

c. Giá của loại đất trồng lúa tính theo bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê.

4. Thời hạn để các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện nộp đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền.

5. Cơ quan tài chính căn cứ bản kê khai của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, xác định và tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiêu mục 4914. Cụ thể phân định trách nhiệm tổ chức thu như sau:

- Sở Tài chính thực hiện thu đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện thu đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2016.

Các chế độ quy định tại Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và chủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT, Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TT Tin học, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng